

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2025
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm

Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2024/TLST- HNGĐ ngày 14/11/2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXX- ST ngày 20/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 337/2025/QĐ – ST ngày 31/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1969; ĐKKHKT: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Ông Tô Bá H1, sinh năm 1971; ĐKKHKT: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Hiện ở nước ngoài.

(Bà H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tô Bá H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/9/1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó thì thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2008 ông H1 đi lao động tại Cộng hòa Séc và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có sự quan tâm, sẻ chia trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, ngoài ra còn do vấn đề kinh tế. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích

hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tô Bá H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 02 con chung là Tô Bá Hoàng V, sinh ngày 19/5/2000 và Tô Thùy N, sinh ngày 26/9/2008. Cháu V hiện đã trưởng thành, lao động tự túc được nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu N bị khuyết tật nặng bị đao, đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, và đang ở cùng bà. Khi ly hôn bà xin đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và không yêu cầu ông H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Hiện ông H1 đang ở nước ngoài, bà không có địa chỉ của ông H1 nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của bà Tô Thị Đ, sinh năm 1968 (Là chị gái ruột của ông H1); địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ để làm căn cứ giải quyết việc ly hôn của bà.

Bị đơn ông Tô Bá H1: Hiện đang sinh sống tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể, Tòa án thực hiện tổng đạt toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H1 thông qua chị gái ruột của ông H1 là bà Tô Thị Đ, tuy nhiên đến nay ông H1 chưa có bất kỳ quan điểm gì gửi cho Tòa án.

Bà Tô Thị Đ (Là chị gái ruột của ông H1) trình bày: Bà là chị gái ruột của ông Tô Bá H1. Hiện nay ông H1 đang đi lao động tại nước ngoài. Ông H1 vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua mạng xã hội nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể ở đâu tại nước ngoài nên bà không thể cung cấp địa chỉ của ông H1 ở nước ngoài cho Tòa án được. Việc bà H làm đơn xin ly hôn với ông H1, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật, bà nhất trí nhận và thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H1 biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị H. Cho bà Đoàn Thị H được ly hôn với ông Tô Bá H1.

Về con chung: Giao cháu Tô Thùy N, sinh ngày 26/9/2008 cho bà H nuôi dưỡng. Ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu. Ông H1 vẫn có quyền, nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đoàn Thị H nộp đơn xin ly hôn ông Tô Bá H1 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Bà H và ông H1 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, bà H trình bày hiện nay ông H1 đang sống và làm việc tại Cộng hòa S. Tại văn bản số 1193/QLXNC - Đ1 ngày 08/10/2024 của Phòng Q – Công an tỉnh P xác nhận: “Công dân Tô Bá H1 có thông tin như trên đã được cấp hộ chiếu 04 lần, cụ thể:...Lần 4: Hộ chiếu số N1898701 cấp ở nước ngoài, hạn đến ngày 22/01/2028, sử dụng xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 10/9/2023 qua cảng hàng không quốc tế N1 – Hà Nội; chưa có thông tin nhập cảnh bằng hộ chiếu trên”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Bà Đoàn Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Tô Bá H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị H và ông Tô Bá H1 có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 15/9/1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà H trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống xa nhau nên không có sự quan tâm, sẻ chia, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay ông H1 vẫn đang lao động tại nước ngoài và chưa quay trở lại Việt Nam. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tô Bá H1.

Ông Tô Bá H1 hiện đang ở nước ngoài, bà Đoàn Thị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của ông H1, không cung cấp được địa chỉ của ông H1 ở nước ngoài cho Tòa án nên đã đề nghị Tòa án xác minh thu thập chứng cứ thông qua bà Tô Thị Đ, sinh năm 1968 (Là chị gái ruột của ông H1); địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Bà Đ xác nhận ông H1 hiện đang đi lao động tại nước ngoài, ông H1 vẫn thường xuyên gọi điện về cho gia đình bà, nhưng ông H1 không cho bà biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài nên bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể của ông H1 ở nước ngoài cho Tòa án được. Do vậy Tòa án không thể thực hiện ủy thác tư pháp cho ông H1 theo quy định. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn có tình dẫu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Mặc dù ông H1 không có bản tự khai tại Tòa án nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án cho ông H1 thông qua chị gái ruột của ông H1 là bà Tô Thị Đ. Bà Đ nhận và cam kết sẽ thông báo toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H1.

Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông H1 đã không chung sống cùng nhau và vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà Đoàn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tô Bá H1 là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của bà Đoàn Thị H được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định bà H và ông H1 có hai con chung là Tô Bá Hoàng V, sinh ngày 19/5/2000 và Tô Thùy N, sinh ngày 26/9/2008.

Cháu V hiện đã trưởng thành, lao động tự túc được nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn bà H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N do cháu N bị khuyết tật nặng bị đao, đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay ông H1 đang ở nước ngoài, hơn nữa cháu N bị khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp hàng tháng, đang ở với mẹ, cần có người chăm lo cho cuộc sống hàng ngày; do vậy để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt của cháu N nên cần giao cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N là phù hợp. Ông H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà H do bà H không yêu cầu là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, về công nợ, công sức đóng góp: Bà H xác định vợ chồng không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đoàn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179, khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đoàn Thị H được ly hôn với ông Tô Bá H1.

2. Về con chung: Con chung là Tô Bá Hoàng V, sinh ngày 19/5/2000 hiện đã trưởng thành, lao động tự túc được nên Tòa án không giải quyết. Giao con chung là Tô Thùy N, sinh ngày 26/9/2008 cho bà Đoàn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Tô Bá H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H do bà H không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Bà H xác định vợ chồng không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số: 0000432 ngày 13/11/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND TT. Thanh Ba;
- Lưu: HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền

